

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng sang mục đích khác để xây dựng dự án đường dây 500kV Monsoon – Thạnh Mỹ đi qua huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1104/TTg-NN ngày 21/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án đường dây 500kV Monsoon – Thạnh Mỹ đi qua huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế - dự toán trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang xây dựng dự án đường dây 500kV Monsoon – Thạnh Mỹ đi qua huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 426/TTr-STNMT ngày 20/11/2023 (kèm theo Công văn số 2998/SNN&PTNT-CCKL ngày 08/11/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xác lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng sang mục đích xây dựng móng trụ Dự án đường dây 500kV Monsoon - Thạnh Mỹ trên địa bàn huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường dây 500kV Monsoon – Thạnh Mỹ trên địa bàn huyện Nam Giang, với diện tích 7,6055 ha, trong đó:

+ Quy hoạch rừng phòng hộ: 5,8388 ha (rừng tự nhiên);

+ Quy hoạch rừng sản xuất: 0,7092 ha (rừng tự nhiên);

+ Ngoài Quy hoạch 3 loại rừng: 1,0575 ha (rừng tự nhiên).

- Địa điểm: xã La Dê; xã Chà Vài; xã Tà Bhing và xã Tà Pơr, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

(Kèm theo Biểu tổng hợp chi tiết tại Phụ lục I và Bản đồ thể hiện vị trí các khu vực đề nghị chuyển đổi mục đích)

- Vị trí, ranh giới, loại đất, loại rừng chuyển mục đích sử dụng được xác định theo Bản đồ hiện trạng rừng và đất rừng do Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ lập và Ban Quản lý dự án Điện 2 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác nhận, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam xác nhận tại Công văn số 1266/SNN&PTNT-CCKL ngày 30/05/2023;

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án Điện 2 có trách nhiệm: Phối hợp với các địa phương lập thủ tục khai thác tận dụng tài nguyên rừng (nếu có) trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, kiểm tra trước khi triển khai thực hiện.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Theo dõi, cập nhật vào quy hoạch lâm nghiệp trong giai đoạn tiếp theo để đảm bảo phù hợp quy hoạch lâm nghiệp cấp Quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra việc khai thác tận dụng gỗ trong diện tích giải phóng mặt bằng để thi công Dự án Đường dây 500kV Monsoon – Thanh Mỹ đi qua huyện Nam Giang theo đúng vị trí, ranh giới rừng được chuyển mục đích sử dụng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh xử lý các nội dung liên quan đất đai (nếu có) để thực hiện Dự án theo đúng quy định.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm: Hướng dẫn UBND huyện Nam Giang lập hồ sơ thủ tục thu hồi tài sản Nhà nước (nếu có) theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang có trách nhiệm:

- Lập thủ tục khai thác tận dụng tài nguyên rừng (nếu có) trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, kiểm tra trước khi triển khai thực hiện.

- Căn cứ vào thực tế hiện trạng rừng và chất lượng rừng trong ranh giới dự án Đường dây 500kV Monsoon – Thanh Mỹ đi qua huyện Nam Giang để xây dựng Phương án thu hồi tài sản Nhà nước đối với các cây gỗ tận dụng nằm trong ranh giới rừng tự nhiên được chuyển mục đích sử dụng (nếu có) theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Trình tự, thủ tục khai thác tận dụng lâm sản (nếu có) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

- Trong quá trình giải phóng mặt bằng để thi công Dự án, có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan ở huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện của đơn vị thi công, không để xảy tình trạng lợi dụng việc khai quang để phá rừng và khai thác lâm sản trái phép.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Nam Giang; Chủ tịch UBND các xã: La Dê, Chà Vål, Tà Bhing, Tà Pơ; Giám đốc Ban Quản lý dự án Điện 2; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

.....
Quyết định này đã được đăng ký vào Sổ Địa chính Nhà nước tại Chi cục Quản lý đất đai Quảng Nam. Vào ngày tháng ... năm 2023 tại Trang số Quyển số 01/SĐC

PHỤ LỤC I

Thông tin về diện tích, vị trí lô rừng đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng

Dự án: Đường dây 500V Monsoon – Thạnh Mỹ

(Kèm theo Quyết định số #sov/ QĐ-UBND ngày #nbh/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Xã/Vị trí móng trụ	Vị trí			Diện tích (ha)	Trạng thái		Quy hoạch 03 loại rừng		
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô		Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Ngoài 3 loại rừng
TỔNG DIỆN TÍCH ĐỀ NGHỊ					7.6695	7.6055	0.064	5.8388	0.7732	1.0575
I	Xã La Dêê				2.7229	2.7229		2.3465	0.1643	0.2121
1	VT1	351	8	3a	0.1802	0.1802		0.1802		
2	VT2	351	8	4b	0.1984	0.1984		0.1984		
3	VT3	351	8	2a	0.0785	0.0785		0.0785		
4	VT4	351	5	13a	0.1088	0.1088		0.1088		
5	VT5	351	4	3a	0.0907	0.0907		0.0907		
6	VT6	351	4	3c	0.1453	0.1453		0.1453		
				5b	0.0351	0.0351		0.0351		
		<i>Tổng</i>			<i>0.1804</i>	<i>0.1804</i>		<i>0.1804</i>		
7	VT7	351	4	3e	0.1059	0.1059		0.1059		
8	VT8	351	2	7a	0.1003	0.1003		0.1003		
9	VT9	351	2	2a	0.0246	0.0246		0.0246		
				8b	0.0736	0.0736		0.0736		
		<i>Tổng</i>			<i>0.0982</i>	<i>0.0982</i>		<i>0.0982</i>		
10	VT10	351	2	8e	0.236	0.236		0.236		
11	VT11	351	1	10b	0.0616	0.0616		0.0616		
12	VT13	346	9	16a	0.1238	0.1238		0.1238		
		351	1	9a	0.0892	0.0892		0.0892		
		<i>Tổng</i>			<i>0.213</i>	<i>0.213</i>		<i>0.213</i>		
13	VT14	346	8	26a	0.1193	0.1193		0.1193		
			9	16	0.0227	0.0227		0.0227		
		<i>Tổng</i>			<i>0.142</i>	<i>0.142</i>		<i>0.142</i>		
14	VT15	346	8	25	0.0278	0.0278		0.0278		
				22a	0.0907	0.0907		0.0907		
		<i>Tổng</i>			<i>0.1185</i>	<i>0.1185</i>		<i>0.1185</i>		
15	VT16	346	7	21a	0.0347	0.0347		0.0347		
			8	15a	0.0278	0.0278		0.0278		
		<i>Tổng</i>			<i>0.0625</i>	<i>0.0625</i>		<i>0.0625</i>		
16	VT17	346	7	12b	0.0768	0.0768		0.0768		
17	VT18	346	7	12c	0.1682	0.1682		0.1682		
18	VT19	346	4	34	0.1082	0.1082		0.1082		
				35	0.0183	0.0183		0.0183		
		<i>Tổng</i>			<i>0.1265</i>	<i>0.1265</i>		<i>0.1265</i>		
19	VT20	345	9	22e	0.0115	0.0115			0.0115	
20	VT22	347	5	16a	0.1021	0.1021				0.1021
21	VT23	347	4	13	0.0064	0.0064				0.0064
				9a	0.1386	0.1386			0.1386	
		<i>Tổng</i>			<i>0.1592</i>	<i>0.1592</i>			<i>0.1528</i>	<i>0.0064</i>
22	VT25	347	2	10	0.1036	0.1036				0.1036
II	Chà Vål				2.391	2.391		1.8639		0.5271

1	VT36	343	2	1	0.0374	0.0374			0.0374	
2	VT48	339	7	28	0.1248	0.1248			0.1248	
3	VT49	339	9	5	0.0361	0.0361			0.0361	
4	VT50	339	8	16	0.0491	0.0491			0.0491	
				17	0.0294	0.0294			0.0294	
<i>Tổng</i>					0.0785	0.0785			0.0785	
5	VT51	339	8	18	0.1129	0.1129			0.1129	
6	VT53	336	4	14	0.0609	0.0609			0.0609	
				16a	0.0104	0.0104		0.0104		0.0609
<i>Tổng</i>					0.0713	0.0713		0.0104	0.0609	
7	VT54	336	4	6	0.0198	0.0198		0.0198		
				8a	0.0123	0.0123		0.0123		
				9a	0.0753	0.0753				0.0753
<i>Tổng</i>					0.1074	0.1074		0.0321	0.0753	
8	VT55	336	4	8f	0.0395	0.0395		0.0395		
		337	10	24	0.0012	0.0012			0.0012	
<i>Tổng</i>					0.0407	0.0407		0.0395	0.0012	
9	VT56	337	10	4a	0.1798	0.1798		0.1798		
10	VT58	337	11	5a	0.028	0.028		0.028		
11	VT59	337	5	8a	0.0304	0.0304		0.0304		
			9	14a	0.0091	0.0091		0.0091		
<i>Tổng</i>					0.0395	0.0395		0.0395		
12	VT60	337	5	8c	0.0841	0.0841		0.0841		
			9	14c	0.0709	0.0709		0.0709		
<i>Tổng</i>					0.155	0.155		0.155		
13	VT61	337	9	12b	0.1543	0.1543		0.1543		
14	VT62	337	8	16a	0.1736	0.1736		0.1736		
				7a	0.0163	0.0163		0.0163		
<i>Tổng</i>					0.1899	0.1899		0.1899		
15	VT63	337	8	3a	0.2205	0.2205		0.2205		
16	VT64	337	4	5a	0.1754	0.1754		0.1754		
17	VT65	337	4	5c	0.0773	0.0773		0.0773		
			6	8a	0.0006	0.0006		0.0006		
<i>Tổng</i>					0.0779	0.0779		0.0779		
18	VT66	337	6	8c	0.1392	0.1392		0.1392		
19	VT67	337	7	5a	0.0923	0.0923		0.0923		
20	VT68	337	7	8a	0.302	0.302		0.302		
			12	1	0.0281	0.0281		0.0281		
<i>Tổng</i>					0.3301	0.3301		0.3301		
III Xã Từ Bình					1.3777	1.3777		0.7175	0.4035	0.2567
1	VT81	302	1	1b	0.0251	0.0251			0.0251	
				2b	0.1753	0.1753		0.1753		
<i>Tổng</i>					0.2004	0.2004		0.1753	0.0251	
2	VT82	295	7	11	0.1808	0.1808			0.1808	
				12	0.0261	0.0261			0.0261	
		302	1	4	0.0098	0.0098			0.0098	
<i>Tổng</i>					0.1266	0.1266		0.1266		
<i>Tổng</i>					0.3433	0.3433		0.3172	0.0261	
3	VT83	295	2	10	0.1147	0.1147		0.1147		
			8	11	0.1859	0.1859			0.1859	

	<i>Tổng</i>				0.3006	0.3006		0.1147		0.1859
4	VT85	295	8	13	0.0447	0.0447				0.0447
				2b	0.0492	0.0492		0.0492		
	<i>Tổng</i>				0.0939	0.0939		0.0492		0.0447
5	VT86	295	4	2a	0.1509	0.1509		0.1509		
				3a	0.0612	0.0612			0.0612	
	<i>Tổng</i>				0.2121	0.2121		0.1509	0.0612	
6	VT87	295	5	4	0.0084	0.0084		0.0084		
				6a	0.219	0.219		0.219		
	<i>Tổng</i>				0.2274	0.2274		0.2274		
IV	<i>Xã Tà Pơ</i>				1.1779	1.1139	0.064	0.9109	0.2054	0.0616
1	VT69	286	9	10b	0.0792	0.0792		0.0792		
		287	9	7	0.1132	0.1132		0.1132		
	<i>Tổng</i>				0.1924	0.1924		0.1924		
2	VT70	287	7	5e	0.1526	0.1526		0.1526		
3	VT71	287	6	22a	0.0997	0.0997		0.0997		
			7	5a	0.1554	0.1554		0.1554		
	<i>Tổng</i>				0.2551	0.2551		0.2551		
4	VT72	287	7	3a	0.3108	0.3108		0.3108		
5	VT76	294	6	23b	0.0223	0.0223			0.0223	
				30a	0.0679	0.0679			0.0679	
	<i>Tổng</i>				0.0902	0.0902			0.0902	
6	VT77	294	6	42a	0.0037	0.0037			0.0037	
				42b	0.003		0.003		0.003	
			9	1a	0.0385	0.0385			0.0385	
				1b	0.061		0.061		0.061	
	<i>Tổng</i>				0.1062	0.0422	0.064		0.1062	
7	VT78	294	9	8	0.0616	0.0616				0.0616
				14a	0.009	0.009			0.009	
	<i>Tổng</i>				0.0706	0.0706			0.009	0.0616